TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ SÔNG CẦU** TỈNH PHÚ YÊN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21/01/2021
Về việc "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ SÔNG CẦU - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thơ Hiền.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ngọc Chẩn và ông Lê Văn Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Tuyết – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên *tham gia phiên tòa có:* Ông Phan Văn Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 85/2020/TLST–HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Văn Đ, sinh năm 1975. Địa chỉ: Thôn DT, xã XB, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn DT, xã XB, thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn và quá trình làm việc tại Tòa án, nguyên đơn Trương Văn Đ trình bày được tóm tắt như sau:*

- Về hôn nhân: Ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hồng Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã Xuân Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01 ngày 27/5/1996.

Sau khi kết hôn, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, không hòa giải được. Từ năm 2016 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai người đó sống. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm: Trương Quốc Đáng, sinh ngày 18/10/1995 và Trương Thị Mỹ Điền, sinh ngày 18/3/1997. Các con chung đã trên 18 tuổi, là người khỏe mạnh nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng Th trình bày được tóm tắt như sau:*

Tại phiên hòa giải ngày 17/8/2020, bà Th thống nhất với lời trình bày của ông Đ về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung.

Thừa nhận tình nhận tình trạng hôn nhân đã mâu thuẫn trầm trọng; vợ chồng sống ly thân hơn 04 năm, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, mạnh ai người đó sống. Hiện nay, tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nên thống nhất ly hôn.

Tại bản trình bày ý kiến ngày 23/11/2020 và tại phiên tòa: Ông Đ sống như vợ chồng và có con với người phụ nữ khác nên nếu ông Đ muốn ly hôn thì ông Đ phải viết giấy giao lại tài sản ngôi nhà, đất cho con trai. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Sông Cầu phát biểu và đề xuất hướng giải quyết vụ án:* Về việc tuân thủ pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định. Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho ông Trương Văn Đ ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng Th; đối với 02 con chung đều trên 18 tuổi nên không giải quyết; đối với tài sản chung, nợ chung không yêu cầu giải quyết nên không xét; buộc ông Trương Văn Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Ông Trương Văn Đ và bà Nguyễn Thị Hồng Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, được UBND xã Xuân Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 11, quyển số 01 ngày 27/5/1996, là hôn nhân hợp pháp.

[3] Căn cứ lời trình bày của cả hai bên đương sự thì hiện nay ông Đ và bà Th đã không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng không sống chung từ năm 2016; các quyền và nghĩa vụ cơ bản của vợ chồng không còn thực hiện; mục đích hôn nhân xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc không đạt được.

[4] Tại đơn trình bày ngày 23/11/2020 và tại phiên tòa, bà Th vẫn khẳng định tình trạng hôn nhân như phân tích tại mục [3] nhưng đưa ra điều kiện để bà

Th đồng ý ly hôn là ông Đ phải giao lại tài sản của vợ chồng cho con trai Trương Quốc Đáng, nếu ông Đ không giao lại tài sản cho con trai thì bà Th không đồng ý ly hôn.

[5] Theo bà Th, ông Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác dẫn đến có con; ông Đ có lỗi làm cho quan hệ vợ chồng mâu thuẫn. Tình tiết này không được ông Đ thừa nhận. Để chứng minh, bà Th đưa ra một bản báo cáo sự việc có tên một số người ký xác nhận nhưng tài liệu này không được chính quyền địa phương ký chứng thực chữ ký của người có tên trong báo cáo. Tòa án triệu tập làm việc nhưng những người có tên trong báo cáo không đến Tòa án trình bày.

Theo quy định tại Điều 91 của BLTTDS thì bà Th có quyền và nghĩa vụ chứng minh nhưng chưa chứng minh được; theo quy định tại các điều 92, 93 của BLTTDS thì bản báo cáo sự việc do bà Th cung cấp không phải là những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh, không phải là chứng cứ. Theo quy định tại khoản 4 Điều 91 và khoản 1 Điều 96 của BLTTDS, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

Căn cứ biên bản xác minh ngày 25/11/2020 và ngày 15/01/2021, UBND xã XB cung cấp thông tin: Cách đây khoảng 06 năm, ông Đ và bà Th không còn sống chung với nhau vì ông Đ và bà Th xảy ra mâu thuẫn và bà Th bỏ đi làm ăn xa. Đến năm 2020, bà Th về lại địa phương sinh sống. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa ông Đ và bà Th địa phương không biết. Từ khi bà Th bỏ đi làm ăn xa, ông Đ không sống chung như vợ chồng với người phụ nữ nào ở địa phương, ông Đ có con riêng với ai hay không địa phương không nắm rõ vì không ai báo cáo và không thấy ông Đ làm khai sinh cho người con riêng nào khác.

Như vậy, lời trình bày của bà Th về việc ông Đ có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác là không chứng minh được.

[6] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử nhận thấy việc bà Th không đồng ý ly hôn không xuất phát từ tình nghĩa vợ chồng; tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích xây dựng gia đình no ấm không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho ông Đ ly hôn bà Th.

[7] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trương Quốc Đáng, sinh ngày 18/10/1995 và Trương Thị Mỹ Điền, sinh ngày 18/3/1997. Các con chung đều trên 18 tuổi, là người khỏe mạnh, không thuộc trường hợp cần người trực tiếp nuôi dưỡng; đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xét.

[8] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không có yêu cầu giải quyết nên không xét.

[9] Về án phí: Ông Trương Văn Đ phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

+ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

+ Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

+ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Về hôn nhân: Cho ông Trương Văn Đ ly hôn bà Nguyễn Thị Hồng Th.

[2] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[3] Về án phí: ông Trương Văn Đ phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp có tại biên lai thu tiền số 0004892 ngày 30/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu.

[4] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- UBND xã Xuân Bình, thị xã Sông Cầu;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án;
- Lưu Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lý Thơ Hiền